

Bản tin chứng khoán

Trong số này

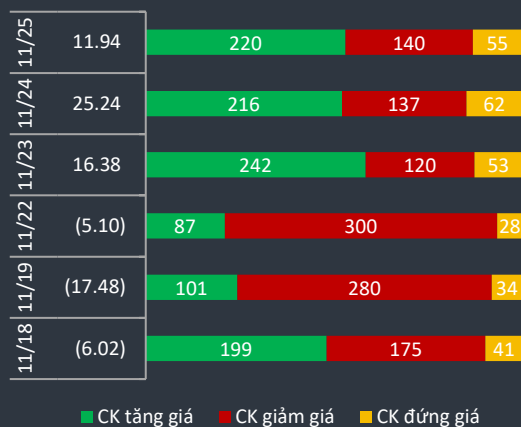
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Thị trường hôm nay mở cửa tiếp tục nổi sóng nhờ nhóm cổ phiếu ngân hàng. Ngay từ đầu phiên chỉ số Vnindex đã vượt trên 10 điểm và duy trì gần suốt phiên giao dịch. Sau một vài nhịp ngấp ngừng thì chỉ số Vnindex cũng chạm mốc 1500 lần đầu tiên. Nhóm ngân hàng tiếp tục dẫn sóng tốt nhưng có phần hạ nhiệt dần về cuối phiên. Những ai đưa lệnh giá cao trong phiên có thể bị thiệt hại về cuối phiên vì nhiều mã ngân hàng đảo chiều. Cuối phiên chỉ có khoảng 9/27 CP ngân hàng xanh điểm trong đó PGB, SSB tăng trên 3%. VCB cũng tăng hơn 2.2 góp phần vào chỉ số Vnindex. OCB tiếp tục xanh nhẹ 1.8% và vượt qua 30.5.

Nhóm blue-chips không có được sức mạnh như các cổ phiếu ngân hàng nên đã tăng chỉ ở mức trung bình. Các cổ phiếu khác giao dịch tốt là NVL tăng 2,44%, HPG tăng 1,23%, GVR tăng 1,61%, FPT tăng 2,15%, PDR tăng 4,2%, POW tăng 1,3%...

Nhóm ngành thứ hai đóng góp vào chỉ số index là sự quay lại của nhóm cổ phiếu bất động sản tiêu biểu có DIG, ITA, HPX, DRH, LDG, QCG tăng kịch trần, một số mã tăng trên 3% như DXG, HDG, SCR, PDR, NLG, CII, DXS...

Dòng tiền cũng có dấu hiệu quay lại nhóm thép với sắc xanh trở lại. Dẫn đầu đà tăng là NKG tăng 2.9%, HSG với tỷ lệ 2,8%, theo sau là HPG (+1,2%), TLH (+2%). Cổ phiếu phân bón giảm giá đầu phiên nhưng cuối phiên vẫn bật tốt ở DCM 1.8%, DPM 1%.

Cổ phiếu chứng khoán trong ngày dù không quá nổi bật nhưng cũng tạo sóng mạnh ở một vài cổ phiếu tầm trung như CTS tăng 5.5%, SHS 4.3%, VCI 4.1%, SSI 3.4%.

Nhà đầu tư nước ngoài hôm nay bán ròng hơn 900 tỷ mà chủ yếu là blue-chips. VPB bị bán ròng 346 tỷ đồng, HPG gần 195 tỷ, MSN hơn 144 tỷ. VHM, VIC cũng bị bán ròng tương ứng 94 tỷ và 73 tỷ đồng. Nhóm ngân hàng lại được tiếp tục mua ròng như STB 72 tỷ, CTG 57 tỷ, VCB 57 tỷ, OCB 36 tỷ đồng.

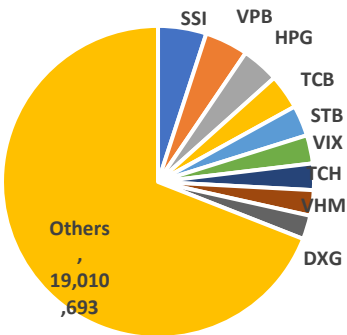
Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

STB		72.39
CTG		57.57
VCB		57.50
KBC		47.75
VHC		39.07
DHC		38.40
OCB		35.93
DGC		33.19
DXG	(92.10)	
VHM	(95.93)	
TCH	(111.83)	
MSN	(146.75)	
HPG	(194.91)	
VPB	(345.83)	

Vnindex 1,500.81
▲ +11.94 (+0.8%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
PDR	94.2	3,800	4.20
SSI	55.0	1,800	3.38
NVL	109.0	2,600	2.44
VCB	107.1	2,300	2.19
FPT	100.0	2,100	2.15
VPB	38.0	700	1.88
POW	13.9	250	1.84
PLX	58.0	1,000	1.75
GVR	37.8	600	1.61
HPG	49.3	600	1.23
BCM	54.7	600	1.11
GAS	103.9	900	0.87
MWG	145.0	1,000	0.69
STB	30.7	200	0.66
HVN	23.8	150	0.63
BVH	63.1	300	0.48
MSN	157.5	500	0.32
VHM	83.9	200	0.24
TPB	49.2	100	0.20
MBB	30.9	-	-
VNM	87.5	-	-
VIC	94.0	(100)	(0.11)
VJC	132.0	(200)	(0.15)
VIB	44.7	(150)	(0.33)
ACB	35.2	(200)	(0.57)
CTG	35.2	(250)	(0.71)
VRE	30.9	(250)	(0.80)
REE	66.9	(700)	(1.04)
TCB	54.9	(600)	(1.08)
DHG	99.6	(1,400)	(1.39)
PNJ	104.1	(1,600)	(1.51)
BID	45.4	(700)	(1.52)
SAB	165.0	(3,000)	(1.79)
HDB	32.5	(1,000)	(2.99)



Chỉ số Vnindex cuối phiên đóng cửa vừa đúng 1500 điểm và lần đầu tiên vượt qua ngưỡng lịch sử. Thanh khoản trong ngày đạt hơn 29 ngàn tỷ trên sàn HOSE, thấp hơn so với các phiên trước do một phần giao dịch hạ nhiệt từ nhóm cổ phiếu ngân hàng. Dòng tiền vào thị trường vẫn mạnh và xoay vòng giữa các nhóm cổ phiếu liên tục nhưng trọng tâm vẫn là các nhóm ngành ngân hàng, chứng khoán, bất động sản. Một số cổ phiếu các ngành khác như phân đạm, thép, bán lẻ, dệt may cũng đáng quan tâm và ưu tiên nắm giữ ở nhóm cổ phiếu tăng trưởng. như HPG, DCM, DPM, MWG, FRT, TCM, STK ...

Cổ phiếu quan tâm

Cổ phiếu tiếp tục nắm giữ trung và dài hạn: FPT, MWG, DGW, STK, OCB, TCB, SSI, DPR, MBB, FRT.

Cổ phiếu đang tăng tốt – tiếp tục nắm giữ: VCI, HCM, VND, GVR, APS, TCM, ACB, STB, VPB, TPB.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCB	54.9	6.6	50	75	Mua quanh 53-55. Mục tiêu 75	11/24/2021	-0.2%
DPM	49.0	0.8	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	0.0%
DCM	37.0	1.2	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	1.4%
HSG	39.0	(2.3)	35	50	Mua quanh 38-39. mục tiêu 50	11/23/2021	1.3%
TCM	81.0	1.4	60	85	Mua quanh 75, nắm giữ	10/6/2021	26.6%
PET	30.4	(11.5)	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	8.6%
LCG	18.8	(1.6)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	34.3%
DPR	83.0	(4.8)	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	23.9%
GVR	37.8	(5.1)	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	28.6%
HCM	47.7	(0.8)	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	40.3%
VCI	80.6	5.4	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	64.5%
SSI	55.0	12.1	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	66.7%
MBB	30.9	9.2	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	6.6%
OCB	30.5	16.0	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	32.6%
HPG	49.3	(1.4)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	9.6%
DGW	136.4	4.1	120	150	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	172.8%
REE	73.0	(4.4)	50	80	Chốt lãi	7/12/2021	43.1%
IDC	87.0	(0.5)	45	85	Chốt lãi	9/21/2021	74.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

SJF	6.87
TCH	6.89
SMC	6.89
TN1	6.93
DXG	6.94
SGR	6.95
NBB	6.96
TSC	6.96
GEX	6.97
DIG	6.97
HPX	6.98
BSI	6.99

Top tăng giá HNX

PVL	9.47
LDP	9.47
SD9	9.49
HVT	9.61
PDB	9.74
GKM	9.84
CMS	9.86
CEO	9.94
MCO	10.00
TXM	10.00
SDA	10.00
L14	10.00

YBM - CTCP Khoáng sản công nghiệp Yên Bái - Ngày 29/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 30/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 15/12/2021.

VSI - CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước - Ngày 14/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 15/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 14%, thanh toán bắt đầu từ ngày 30/12/2021.

DFE - CTCP Tập đoàn Đua Fat - Dự kiến phát hành 40 triệu cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho các nhà đầu tư. Dự kiến sau phát hành Tập đoàn Đua Fat sẽ tăng vốn điều lệ từ 400 tỷ đồng hiện nay lên 800 tỷ đồng. Giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu, dự kiến huy động 400 tỷ đồng, dùng để thanh toán/tạm ứng mua Sà lan tự nâng, trả nợ vay ngân hàng và thanh toán cho các nhà thầu phụ.

MSH - CTCP Máy Sông Hồng - Ngày 09/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 10/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 45%, thanh toán bắt đầu từ ngày 24/12/2021.

API - CTCP Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Dự kiến phát hành 10,92 triệu cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 30%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 30 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu này sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng. Thời gian dự kiến chào bán trong quý IV/2021 – quý I/2022, sau khi được UBCK chấp thuận.

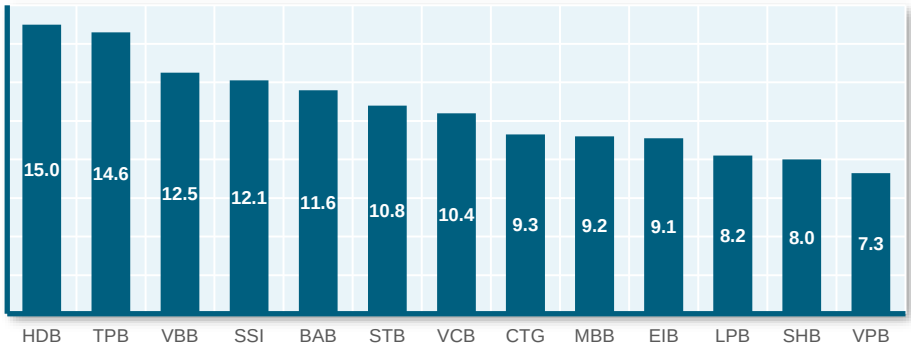
DPR - CTCP Cao su Đồng Phú - Ngày 24/11, HĐQT thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%. Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến trước 20/12/2021 và thanh toán trong quý I/2021. Chi tiết sẽ được thông báo sau.

BCG - Công ty cổ phần Bamboo Capital - Sẽ chào bán hơn 148 triệu cổ phiếu với giá 12.000 đồng/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ thực hiện là 2:1, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thì sẽ nhận được 1 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ 2 quyền mua sẽ được mua thêm 1 cổ phiếu mới phát hành thêm.

HCM - Tổng CTCP Chứng khoán TP.HCM - Ngày 05/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 07/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 06/1/2022.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



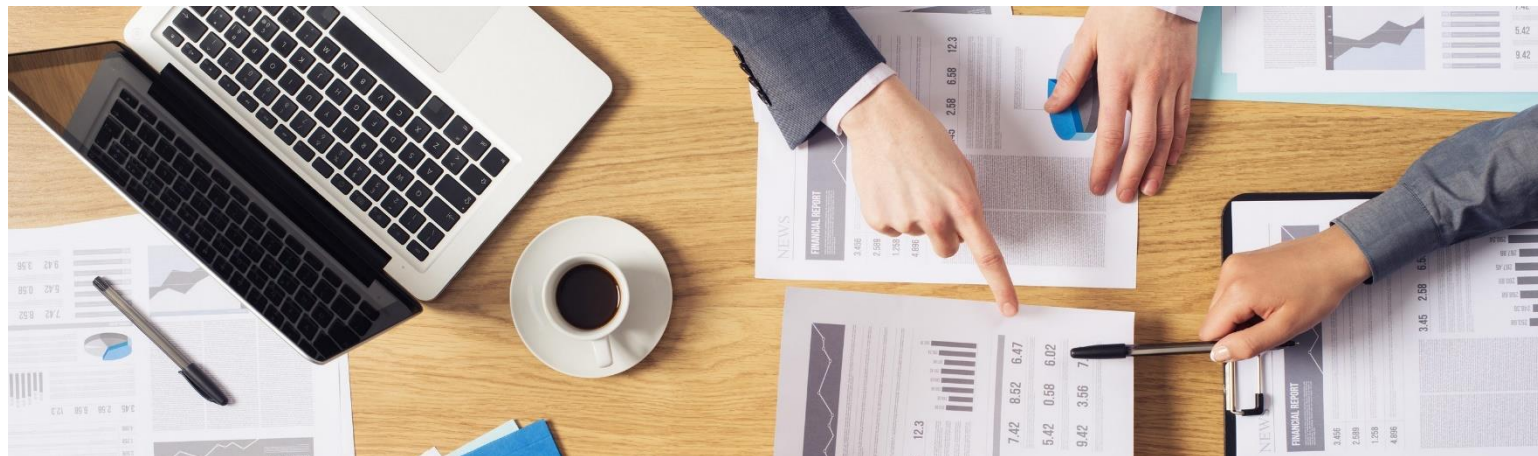
Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	38.0	32,485,400	7.5	1.6	-	9,100,000	168,928	15.00	5,056	24,447
VIB	HOSE	44.7	3,340,800	7.9	3.3	17,700	109,100	69,348	21.00	5,638	13,552
VCB	UPCOM	107.1	1,473,200	19.4	3.8	686,500	147,400	397,221	23.65	5,532	28,293
VBB	HNX	20.7	207,298	24.9	1.8	-	-	9,888	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	19.7	1,482,501	16.5	1.4	2,000	-	8,766	29.51	1,196	13,597
TPB	HOSE	49.2	4,304,700	10.8	2.6	127,100	199,100	57,646	29.65	4,565	18,925
TCB	HOSE	54.9	17,981,000	11.9	2.3	2,600,000	2,600,000	192,749	23.00	4,614	23,938
STB	UPCOM	30.7	28,507,400	16.0	1.8	2,928,400	569,200	57,782	17.18	1,922	16,846
SSB	HOSE	41.0	1,190,600	23.8	3.3	16,000	8,900	55,042	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	25.0	14,796,600	11.5	1.8	18,600	199,200	53,099	3.67	2,183	14,014
SGB	HNX	20.6	433,686		1.7	-	-	6,345	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	37.5	459,066	50.7	2.8	-	-	11,250	15.00	739	13,529
OCB	HNX	30.5	9,738,900	8.0	1.7	1,236,200	64,900	41,781	21.93	3,799	17,827
NVB	HOSE	30.7	658,472	149.8	2.9	6,200	155,300	12,489	8.43	205	10,726
NAB	HOSE	24.8	629,619	7.4	1.5	10,100	5,000	11,320	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	27.8	11,173,400	8.4	1.6	600	-	42,465	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	30.9	20,691,000	7.9	1.5	1,058,000	1,189,100	116,750	24.00	3,897	19,986
LPB	HOSE	24.5	25,034,500	9.5	1.7	48,400	347,700	29,428	3.93	2,591	14,466
KLB	HOSE	25.1	277,185	12.3	1.8	-	-	9,073	0.02	2,035	14,117
HDB	HOSE	32.5	8,648,900	8.4	1.9	289,700	959,500	64,747	17.98	3,854	17,399
EIB	HOSE	29.3	983,900	33.5	2.1	6,900	108,300	35,961	29.65	874	14,061
CTG	HOSE	35.2	14,250,500	8.0	1.4	2,137,900	512,700	168,922	25.13	4,394	25,028
BVB	HOSE	25.8	4,488,906	22.3	2.0	8,900	22,500	9,471	0.09	1,157	12,737
BID	HOSE	45.4	2,686,800	18.1	2.2	479,100	69,500	182,399	16.66	2,512	21,036
BAB	HOSE	25.0	145,005	26.3	2.0	-	-	18,828	-	950	12,242
ACB	HOSE	35.2	7,083,400	7.6	2.4	713,386	713,386	94,973	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	24.0	4,011,387	8.6	1.4	-	-	13,711	30.00	2,801	16,671
217,164,125				20.65	2.08	12,391,686	17,080,786	1,940,382		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	DRL	HOSE	3/12/2021	6/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CLH	HNX	30/11/2021	1/12/2021	15/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SBA	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SGR	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	FCM	HOSE	29/11/2021	30/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	THP	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	MCM	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	HTV	HOSE	26/11/2021	29/11/2021	23/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CLC	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	15/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	ANV	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SPC	UPCoM	25/11/2021	26/11/2021	20/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	DWS	UPCoM	25/11/2021	26/11/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 550 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	TLP	UPCoM	25/11/2021	26/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 37 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DAR	UPCoM	24/11/2021	25/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	NLG	HOSE	24/11/2021	25/11/2021	29/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 619 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	NLG	HOSE	24/11/2021	25/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:3.616	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	NLG	HOSE	24/11/2021	25/11/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6.926	Thưởng cổ phiếu
19	TCT	HOSE	24/11/2021	25/11/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HCT	HNX	23/11/2021	24/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	TNA	HOSE	23/11/2021	24/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TNA	HOSE	23/11/2021	24/11/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Thưởng cổ phiếu
23	ITC	HOSE	22/11/2021	23/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	T12	UPCoM	22/11/2021	23/11/2021	27/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	EMG	UPCoM	22/11/2021	23/11/2021	6/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	SVI	HOSE	19/11/2021	22/11/2021	6/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	ICG	HNX	19/11/2021	22/11/2021	14/12/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VDN	UPCoM	19/11/2021	22/11/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931